

Bản án số: 15/2019/DS-ST  
Ngày: 08-8-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng tín  
dụng và hợp đồng thế chấp  
tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Truyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Quen
2. Bà Trần Lệ Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:** Bà Kiên Thị Diệu Hiền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP phát triển M: Trụ sở: 25Bis, Đường K, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hữu Đ, chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; trú tại: 25Bis, Đường K, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều N sinh năm 1987; trú tại ấp G, xã T, thị xã D, tỉnh T; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 10-8-2018 và lời khai tại phiên tòa đại diện nguyên đơn* Ngân hàng TMCP phát triển H là ông T trình bày: theo hợp đồng tín dụng số 0041/16/HĐTDTDH-CN/213 ngày 23/02/2016 giữa Ngân hàng TMCP phát triển M ký kết với bà Nguyễn Thị Kiều N thể hiện: bà N vay số tiền

485.000.000 đồng để mua xe ô tô Toyota Vios 1.5, 05 chỗ ngồi, lãi suất cho vay theo Khế ước nhận nợ số 0041/16/ĐNGN-KUNN/CN/213-01 ngày 23/02/2016 là: lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất này cố định trong 06 tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản thế chấp là xe ô tô mới 100%, nhãn hiệu Toyota, loại xe ô tô 05 chỗ ngồi, số loại Vios 1.5G, số khung RL4BT9F39G4020340, số máy 1NZZ385816, màu bạc, biển số 84A-019.71, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 003562 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/02/2016 do bà Nguyễn Thị Kiều N đứng tên chủ sở hữu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà N vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã trả được gốc 147.400.000 đồng, lãi 95.742.058 đồng, từ ngày 05/01/2018 bà N ngưng thanh toán cho đến nay dẫn đến nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/8/2019 bà N còn nợ Ngân hàng tiền vốn gốc 337.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 58.441.740 đồng, tiền lãi quá hạn 29.210.804 đồng, tổng cộng số tiền 425.252.542 đồng. Nay yêu cầu bà N trả cho Ngân hàng TMCP phát triển M số tiền vốn gốc 337.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 58.441.740 đồng, tiền lãi quá hạn 29.210.802 đồng, tổng cộng số tiền 425.252.542 đồng và bà N phải thanh toán phần tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 09/8/2019 đến khi bà N trả xong nợ và nếu bà N không thực hiện trả nợ hoặc thực hiện trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản mà bà N đã thế chấp tại Ngân hàng là xe ô tô hiệu Toyota biển số 84A-019.71 để thu hồi nợ.

*Theo biên bản ghi lời khai bà N trình bày:* bà có vay của Ngân hàng TMCP phát triển M số tiền 485.000.000 đồng và tài sản thế chấp là xe ô tô mới 100%, nhãn hiệu Toyota, loại xe ô tô 05 chỗ ngồi, số loại Vios 1.5G, số khung RL4BT9F39G4020340, số máy 1NZZ385816, màu bạc, biển số 84A-019.71 do bà đứng tên chủ sở hữu và đồng ý trả nợ gốc và lãi, xử tài sản thế chấp theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển M

- Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chấp nghiêm nội quy phiên tòa; bị đơn chưa thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản thế hiện bà N có vay số tiền 485.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP phát triển M và thế chấp tài sản xe ô tô do bà N đứng tên quyền sở hữu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ gốc và lãi, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển M. Về án phí, lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP phát triển M khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền vay còn nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: theo hợp đồng tín dụng số 0041/16/HĐTDTDH-CN/213 ngày 23/02/2016 giữa Ngân hàng TMCP phát triển M ký kết với bà Nguyễn Thị Kiều N và bà N ghi địa chỉ của bà N là tại ấp G, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Hiện nay bà N đã thay đổi nơi cư trú, nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới của bà N ở đâu là thuộc trường hợp bị đơn bà N cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng bà N đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Theo hợp đồng tín dụng số 0041/16/HĐTDTDH-CN/213 ngày 23/02/2016 giữa Ngân hàng TMCP phát triển M và kế ước nhận nợ số 0041/16/ĐNGN-KUNN/CN/213-01 ngày 23/02/2016 được ký kết với bà Nguyễn Thị Kiều N và các tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp thể hiện: bà N có vay của Ngân hàng TMCP phát triển M số tiền 485.000.000 đồng và đã được giải ngân cho bà N số tiền 485.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là xe ô tô mới 100%, nhãn hiệu Toyota, loại xe ô tô 05 chỗ ngồi, số loại Vios 1.5G, số khung RL4BT9F39G4020340, số máy 1NZZ385816, màu bạc, biển số 84A-019.71, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 003562 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/02/2016 do bà Nguyễn Thị Kiều N đứng tên chủ sở hữu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 0041/16/HĐTDTDH-CN/213 ngày 23/02/2016 giữa Ngân hàng TMCP phát triển M ký kết với bà Nguyễn Thị Kiều N, theo các tài liệu, chứng từ Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thể hiện bà N hiện còn nợ Ngân hàng TMCP phát triển M nợ gốc 337.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 58.441.740 đồng, tiền lãi quá hạn 29.210.802 đồng, tổng cộng số tiền 425.252.542 đồng. Tại biên bản ghi lời khai bà N thừa nhận có vay số tiền 485.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP phát triển M và thế chấp tài sản. Tài sản thế chấp là xe ô tô mới 100%, nhãn hiệu Toyota, loại xe ô tô 05 chỗ ngồi, số loại Vios 1.5G, số khung RL4BT9F39G4020340, số máy 1NZZ385816, màu bạc, biển số 84A-019.71, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 003562 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/02/2016 do bà Nguyễn Thị Kiều N đứng tên chủ sở hữu và đồng ý trả nợ gốc và lãi và xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu khởi

kiện của Ngân hàng TMCP phát triển M. Từ cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển M.

[4] Đối với tiền lãi quá hạn phát sinh: Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”*. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP phát triển M khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này kể từ ngày 09/8/2019; lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP phát triển M.

[5] Về hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy: theo hợp đồng thế chấp số 0030/16/HĐBĐ-213, phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 23/02/2016 và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: bà N thế chấp xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe ô tô con 05 chỗ ngồi, loại VIOS 1.5G; số khung: RL4BT9F39G4020340; số máy: 1NZZ385816, màu bạc; biển số 84A-019.71 do bà Nguyễn Thị Kiều N đứng tên quyền sở hữu, mới 100%. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký, chứng thực theo đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển M về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà N không trả nợ.

[6] Về án phí: nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển M được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.162.000 đồng theo lai thu số 0017601 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Bị đơn bà N không thuộc trường hợp được miễn, giảm, không phải nộp án phí nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: 20.000.000 đồng + 25.252.542 x 4% = 21.010.101 đồng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển M được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn bà N phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 281, 290, 355, 471, 473, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển M.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều N phải trả cho Ngân hàng TMCP phát triển M số tiền còn nợ tính đến ngày 08-8-2019 gồm: số tiền vốn gốc 337.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 58.441.740 đồng, tiền lãi quá hạn 29.210.802 đồng, tổng cộng số tiền 425.252.542 đồng.

Kể từ ngày 09-8-2019, bà Nguyễn Thị Kiều N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng: số 0041/16/HĐTĐTDH-CN/213 ngày 23/02/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Kiều N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP phát triển M.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển M thì Ngân hàng TMCP phát triển M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là: xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe ô tô con 05 chỗ ngồi, loại VIOS 1.5G; số khung: RL4BT9F39G4020340; số máy: 1NZZ385816, màu bạc; biển số 84A-019.71 do bà Nguyễn Thị Kiều N đứng tên quyền sở hữu.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Trả cho Ngân hàng TMCP phát triển M số tiền 2.000.000 đồng khi Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải thu của bà Nguyễn Thị Kiều N. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều N chịu số 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 21.010.101 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP phát triển M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP phát triển M tiền tạm ứng án phí là 9.162.000 đồng theo biên lai thu số 0017601 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thanh Truyền**